

- Tiêu chuẩn Việt Nam**, 2012. TCVN 6862:2012 (ISO 11277:2009). Tiêu chuẩn quốc gia về chất lượng đất - Xác định thành phần cấp hạt trong đất khoáng - Phương pháp rây và sa lắng.
- Chan K.Y., Xu Z.**, 2009. *Biochar Nutrient Properties and their Enhancement. Biochar for Environmental Management. Science and Technology* (Eds. Lehmann J. & Joseph S.) Earthscan.
- Downie A., Crosky A. and Munroe P.**, 2009. Physical properties of biochar. In: *Biochar for Environmental Management, Science and Technology*. J. L. Lehmann, and J. S. Joseph (eds.). Earthscan Publishers Ltd., London, pp. 13-32.
- Glaser B., L. Haumaier, G. Guggenberger, and W. Zech.**, 2001. The 'Terra Preta' phenomenon: A model for sustainable agriculture in the humid tropics. *Naturwissenschaften* 88: 37-41.
- Glaser B., J. Lehmann, and W. Zech.**, 2002. Ameliorating physical and chemical properties of highly weathered soils in the tropics with charcoal VA review. *Biol. Fertil. Soils* 35: 219-230.
- Gokila B. and Baskar K.**, 2015. Characterization of *Prosopis juliflora* L. biochar and its influence of soil fertility on maize in alfisols. *International Journal of Plant, Animal and Environmental Sciences* 5(1): 123-127.
- Laird D. A., Fleming P., Davis D., Horton R., Wang B., and Karlen D. L.**, 2010. Impact of biochar amendments on the quality of a typical Midwestern agricultural soil. *Geoderma* 158: 443-449.
- Liang B., Lehmann J., Solomon D., Kinyangi J., Grossman J., O'Neill B., Skjemstad J.O., Thies J., Luiza F.J., Petersen J., Neves E G.**, 2006. Black carbon increases cation exchange capacity in soils. *Soil Sci Soc Am J* 70: 1719-1730.
- Karhu K., Mattila T., Bergstrom I., and Regina K.**, 2011. Biochar addition to agricultural soil increased CH₄ uptake and water holding capacityV Results from a short-term field study. *Agric. Ecosyst. Environ.* 140: 309-313.
- Shackley S., and S. Sohi.**, 2010. *An assessment of the benefits and issues associated with the application of biochar to soil*. Available from : http://www.geos.ed.ac.uk/homes/sshackle/SP0576_final_report.pdf. Accessed on May 25, 2011.
- Sohi S.P., Krull E., Lopez-Capel E., Bol R.**, 2010. A review of biochar and its use and function in soil. In D. L. Sparks (Ed.), *Advances in agronomy Burlington: Academic Press*, 105: 47-82.

Effects of coffee husk biochar on coffee productivity and soil quality

Luong Huu Thanh, Vu Thuy Nga, Dam Trong Anh, Ngo Thi Ha, Nguyen Ngoc Quynh, Hua Thi Son, Nguyen Kieu Bang Tam

Abstract

This study presents the results of using biochar produced from coffee husk for fertilizing coffee trees. The results showed that using biochar with the amount from 0.5 - 1 tons/ha replaced 25% of NPK fertilizer and increased the rate of fruiting from 2.24 to 8.85%, fruit weight from 0.11 to 1.07% and the yield of fresh fruits from 5.3 to 8.9%. The use of biochar could immediately increase soil moisture by 5.33 - 7.02%; increase P₂O₅ by 21.80 - 42.8% and ion exchange by 66.26 - 66.70% in comparison with the control; thereby showing the role of biochar in soil moisture retention, and increasing the potential fertility and improving soil nutrition for coffee plantation .

Keywords: Biochar, coffee husk, soil quality, coffee productivity

Ngày nhận bài: 11/3/2020

Ngày phản biện: 18/3/2020

Người phản biện: PGS. TS. Phạm Quang Hà

Ngày duyệt đăng: 23/3/2020

CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN THU NHẬP CỦA NÔNG HỘ TRỒNG LÚA TẠI HUYỆN CHÂU THÀNH, TRÀ VINH

Lê Trúc Linh¹, Phan Chí Hiếu¹, Lê Thị Nghĩa¹, Huỳnh Nga¹, Phan Quốc Nam¹, Đặng Hòa Thái¹, Lưu Thị Thúy Hải¹

TÓM TẮT

Nghề sản xuất lúa của người dân khu vực Đồng bằng sông Cửu Long nói chung và ở tỉnh Trà Vinh nói riêng đã và đang đối mặt với rất nhiều khó khăn và thách thức làm giảm đáng kể nguồn thu nhập của nông hộ. Vì vậy, nghiên cứu này được thực hiện nhằm tìm hiểu những yếu tố có tác động lớn đến thu nhập của nông hộ trồng lúa tại huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Số liệu nghiên cứu được thu thập dựa trên bảng câu hỏi và được phân tích bằng phương

¹ Khoa Nông nghiệp Thủy sản, Trường Đại học Trà Vinh

pháp hồi quy đa biến. Kết quả phân tích đã cho thấy khi gia tăng diện tích canh tác lên 1% thì thu nhập của nông hộ gia tăng khoảng 0,43%. Hai yếu tố tham gia lao động khác ngoài hoạt động sản xuất nông nghiệp và là thành viên của các tổ chức xã hội cũng góp phần giúp thu nhập của nông hộ trồng lúa tăng thêm 49% và 23% tương ứng. Do vậy, để góp phần tăng thu nhập cho nông hộ trồng lúa, người nông dân cần chủ động tham gia các hoạt động ngoài nông nghiệp cũng như khai thác hiệu quả tích cực của việc tham gia các tổ chức đoàn thể tại địa phương.

Từ khóa: Trà Vinh, thu nhập, thu nhập phi nông nghiệp, trồng lúa, nông dân

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong những tỉnh duyên hải thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) thì Trà Vinh có chỉ số tác động của lũ lụt, độ mặn và chỉ số dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu đến hoạt động sản xuất lúa cao nhất do cao trình bình quân so với mực nước biển chỉ khoảng 1 mét và tỉ lệ diện tích lúa dựa vào nước mưa cao, và nếu không có những kế hoạch thích ứng cũng như đối phó thích hợp thì việc sản xuất lúa của các tỉnh trong vùng sẽ ngày càng khó khăn hơn (Ngoc-Thuy và Ha-Anh, 2015). Tương tự, Tivet và Boulakia (2017) cũng nhận thấy người trồng lúa hiện nay phải đối mặt với rất nhiều khó khăn trong sản xuất. Thứ nhất, họ giữ vai trò quan trọng trong việc cung cấp lương thực và đảm bảo dinh dưỡng để đáp ứng nhu cầu của dân số thế giới ngày càng tăng. Ngoài ra, bản thân người trồng lúa còn phải đối phó với sự tác động ngày càng khắc nghiệt của biến đổi khí hậu, suy giảm độ phì nhiêu của đất canh tác, và sự khan hiếm nước cho sản xuất. Tất cả các yếu tố trên đều có ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả sản xuất cũng như thu nhập của người dân trồng lúa.

Bên cạnh đó, các yếu tố liên quan đến đặc điểm nông hộ cũng như yếu tố kinh tế xã hội cũng có ảnh hưởng không nhỏ đến thu nhập của người dân trồng lúa. Việc đánh giá hiệu quả sản xuất của người dân trồng lúa cũng như các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của người nông dân thu hút được sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu ở khu vực ĐBSCL và nhiều địa phương trên cả nước như Huỳnh Thị Đan Xuân và Mai Văn Nam (2011), Nguyễn Tiến Dũng và cộng tác viên (2014), Nguyễn Lan Duyên (2014), Chu Thị Kim Loan và Nguyễn Văn Hướng (2015), Võ Thành Khởi (2015) và Lê Đình Hải (2017). Các nghiên cứu này rất cần thiết không chỉ cho bản thân người nông dân để có những cải thiện phù hợp mà còn rất hữu ích cho chính quyền địa phương trong việc hỗ trợ cho người dân một cách kịp thời và hiệu quả. Tuy nhiên, chưa có một nghiên cứu nào phân tích và đánh giá các yếu tố tác động đến thu nhập của người nông dân trồng lúa ở tỉnh Trà Vinh. Nghiên cứu này được thực hiện với mục tiêu xác định thực trạng thu nhập của người dân trồng lúa tại huyện Châu Thành, Trà Vinh cũng như các yếu tố tác động đến thu nhập của nông hộ.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng được chọn trong nghiên cứu là các nông hộ trồng lúa tại Huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Mô hình nghiên cứu

Trong nghiên cứu này, các yếu tố như trình độ học vấn của chủ hộ, kinh nghiệm sản xuất lúa, diện tích đất trồng lúa, chi phí sản xuất lúa, sản lượng lúa cả năm, thu nhập từ hoạt động phi nông nghiệp, thành viên của tổ chức đoàn thể, tham gia tập huấn về sản xuất lúa, và tiếp cận vốn vay được đưa vào mô hình ước lượng để xác định khả năng ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ trồng lúa tại huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Mô hình phân tích hồi quy tuyến tính logarit được áp dụng trong phân tích như sau:

$$\ln(Y) = \beta_0 + \beta_1 \ln X_1 + \beta_2 \ln X_2 + \beta_3 \ln X_3 + \beta_4 \ln X_4 + \beta_5 \ln X_5 + \beta_6 \ln X_6 + \beta_7 X_7 + \beta_8 X_8 + \beta_9 X_9$$

Trong đó: Y là biến phụ thuộc, các biến X là các biến độc lập, và \ln là logarit tự nhiên.

Tên các biến và diễn giải được thể hiện trong bảng 1.

2.2.2. Thu thập số liệu

Số liệu sử dụng trong nghiên cứu được thu thập từ 120 nông hộ sản xuất lúa và khảo sát dựa vào bảng câu hỏi được thiết kế sẵn. Phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên phân tầng được áp dụng trong nghiên cứu. Trong đó, các xã thuộc vùng ven Thành phố Trà Vinh và Thị trấn Châu Thành bao gồm Mỹ Chánh, Đa Lộc, Song Lộc và Hòa Lợi được lựa chọn cho nghiên cứu. Tại mỗi xã, có 30 hộ trồng lúa được lựa chọn ngẫu nhiên để khảo sát về thu nhập, đặc điểm của nông hộ, hiện trạng canh tác lúa cùng các đặc điểm kinh tế xã hội.

Từ số liệu thu thập được, phương pháp thông kê mô tả được áp dụng trong nghiên cứu để đánh giá hiện trạng sản xuất lúa của các nông hộ khảo sát. Bên cạnh đó, ảnh hưởng của các yếu tố đến thu nhập của nông hộ trồng lúa được ước lượng bằng phương pháp hồi quy đa biến.

Bảng 1. Diễn giải các biến được sử dụng trong mô hình phân tích

Kí hiệu	Tên biến	Diễn giải
Y	Thu nhập nông hộ	Tổng thu nhập của nông hộ từ hoạt động nông nghiệp và phi nông nghiệp
X ₁	Trình độ học vấn	Số năm đi học của chủ hộ (năm)
X ₂	Kinh nghiệm	Số năm chủ hộ tham gia trồng lúa tính tới thời điểm nghiên cứu (năm)
X ₃	Diện tích	Diện tích đất hộ đang canh tác lúa (ha)
X ₄	Chi phí sản xuất	Tổng chi phí cho việc sản xuất lúa cả năm (triệu đồng/năm)
X ₅	Sản lượng lúa	Tổng sản lượng lúa mà hộ thu được trong năm (tấn)
X ₆	Thu nhập phi nông nghiệp	Biến giả, nhận giá trị 1 nếu chủ hộ có nguồn thu khác ngoài thu từ hoạt động sản xuất nông nghiệp; nhận giá trị 0 khi không có nguồn thu ngoài nông nghiệp
X ₇	Thành viên tổ chức xã hội	Biến giả, nhận giá trị 1 nếu chủ hộ là thành viên của hợp tác xã, tổ hợp tác, hội nông dân, câu lạc bộ; nhận giá trị 0 khi không là thành viên của bất kỳ tổ chức nào
X ₈	Tham gia tập huấn	Biến giả, nhận giá trị 1 nếu chủ hộ có tham gia tập huấn liên quan đến sản xuất lúa; nhận giá trị 0 khi không tham gia tập huấn
X ₉	Vay vốn sản xuất	Biến giả, nhận giá trị 1 nếu chủ hộ có vay vốn để sản xuất lúa; nhận giá trị 0 khi không vay

2.3. Thời gian và địa điểm nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 02 đến tháng 4 năm 2019 tại huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

III. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Đặc điểm của nông hộ trồng lúa

Một số đặc điểm của các nông hộ trồng lúa thuộc mẫu điều tra tại huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh được trình bày tại bảng 2. Kết quả phân tích thống kê mô tả cho thấy thu nhập của các nông hộ trong

nghiên cứu đạt bình quân hơn 132 triệu đồng/hộ/năm và có khoảng dao động rất lớn từ chỉ khoảng 24 đến gần 500 triệu đồng/hộ/năm. Trình độ học vấn của người nông dân đạt gần 8 năm đi học và bình quân người dân đã trải qua gần 22 năm gắn bó với cây lúa. Nhìn chung, các hộ điều tra có diện tích canh tác lúa ở mức khá bình quân 1,37 ha/hộ, cá biệt có những hộ đang sản xuất đến 6 ha. Chỉ 33% số hộ điều tra có tham gia vào các tổ chức xã hội tại địa phương và có đến hơn 70% được tham gia các lớp tập huấn trong quá trình canh tác.

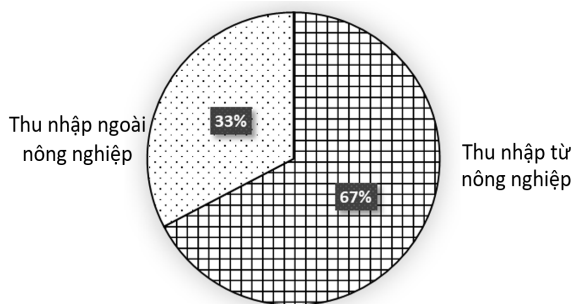
Bảng 2. Thống kê mô tả những nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập nông hộ trồng lúa tại huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, 2018

Biến số	Đơn vị	Nhỏ nhất	Lớn nhất	Trung bình	Độ lệch
Tổng thu nhập	Triệu đồng/năm	24,11	498,83	132,01	72,88
Trình độ học vấn	Năm	2,00	12,00	7,91	2,78
Kinh nghiệm	Năm	6,00	40,00	21,79	8,58
Diện tích	ha	0,50	6,00	1,37	0,91
Chi phí sản xuất	Triệu đồng/năm	6,76	300,15	70,48	50,27
Sản lượng lúa	1.000 kg	5,50	147,60	23,18	19,73
Thu nhập phi nông nghiệp	Biến giả	0,00	1,00	0,68	0,47
Thành viên tổ chức xã hội	Biến giả	0,00	1,00	0,33	0,47
Tham gia tập huấn	Biến giả	0,00	1,00	0,70	0,46
Vay vốn sản xuất	Biến giả	0,00	1,00	0,16	0,37

Nguồn: Số liệu điều tra của nhóm tác giả.

Kết quả khảo sát cũng cho thấy có rất ít hộ được tiếp cận với vốn vay trong quá trình sản xuất (16%) nhưng có đến 68% nông hộ có nguồn thu nhập khác ngoài nguồn thu từ các hoạt động sản xuất nông

NGHIỆP. Trong đó, thu nhập ngoài nông nghiệp như lương, lao động, tiểu thủ công nghiệp,... đóng góp khoảng 33% trong cơ cấu thu nhập của nông hộ (Hình 1).



Hình 1. Cơ cấu thu nhập nông hộ trồng lúa tại huyện Châu Thành tỉnh Trà Vinh, 2018

Nguồn: Số liệu điều tra của nhóm tác giả.

3.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ trồng lúa

Kết quả ước lượng các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ trồng lúa được trình bày ở Bảng 3. Mô hình hồi quy đạt mức ý nghĩa thống kê cao với giá trị F của mô hình ước lượng đạt 10,62, cao hơn giá trị F bảng với độ tự do 8 và cỡ mẫu 120 (2,51) ở mức ý nghĩa 1%. Do đó, kết quả nghiên cứu đã cho thấy thu nhập của nông hộ trồng lúa tại huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh chịu ảnh hưởng bởi một số yếu tố được xác định trong mô hình hồi quy.

Bảng 3. Kết quả phân tích hồi quy những nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập nông hộ trồng lúa tại huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, 2018

Biến số	Hệ số hồi quy	Sai số chuẩn	Giá trị t	Giá trị p
Hằng số	17,50**	0,74	23,78	0,00
Ln Trình độ học vấn	0,07	0,10	0,70	0,48
Ln Kinh nghiệm	-0,05	0,10	-0,50	0,62
Ln Diện tích	0,43*	0,19	2,32	0,02
Ln Chi phí sản xuất	-0,05	0,14	-0,36	0,72
Ln Sản lượng lúa	0,27	0,17	1,62	0,11
Thu nhập phi nông nghiệp (biến giả)	0,49**	0,10	5,06	0,00
Thành viên tổ chức xã hội (biến giả)	0,23**	0,09	2,69	0,01
Tham gia tập huấn (biến giả)	0,09	0,10	0,89	0,38
Vay vốn sản xuất (biến giả)	-0,07	0,11	-0,63	0,53
Biến phụ thuộc: Ln (tổng thu nhập, triệu đồng/năm) F = 10,62; Sig. = 0,00; Hệ số R ² = 0,47; Hệ số R ² hiệu chỉnh = 0,42; Dubin-Watson = 1,76				

Ghi chú: ** và *: có ý nghĩa ở mức 1% và 5% tương ứng.

Nguồn: Số liệu điều tra của nhóm tác giả.

Diện tích đất là một trong những nguồn lực sản xuất quan trọng đối với người nông dân. Kết quả ước lượng từ mô hình cho thấy yếu tố này có ảnh hưởng tích cực đến thu nhập của nông hộ ở mức ý nghĩa 5%. Cụ thể các hộ có diện tích đất trồng lúa càng lớn thì có mức thu nhập càng cao. Giá trị của hệ số ước lượng cho thấy khi gia tăng diện tích canh tác lên 1% thì thu nhập của nông hộ gia tăng khoảng 0,43%. Những kết quả nghiên cứu trước đây của Nguyễn Tiến Dũng và cộng tác viên (2014) và Karmini (2017) cũng đã xác định vai trò của yếu tố này trong việc gia tăng thu nhập người trồng lúa. Tuy nhiên, theo nhận định của Nguyễn Tiến Dũng và cộng tác viên (2014) nếu xét về lợi nhuận thu được trên mỗi hecta đất canh tác thì không có sự chênh lệch nhiều giữa các hộ khảo sát do người dân trong vùng áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật vào trong sản xuất tương đối giống nhau.

Yếu tố Thu nhập phi nông nghiệp cũng có đóng góp nhất định vào thu nhập của người trồng lúa. Yếu tố này có ảnh hưởng tích cực đến thu nhập của hộ ở mức ý nghĩa 1%. Giá trị của hệ số ước lượng là 0,49 cho thấy thu nhập của hộ có tham gia lao động khác ngoài hoạt động sản xuất nông nghiệp cao hơn 49% so với những hộ không có nguồn thu khác. Có thể do địa bàn sinh sống của người dân trong nghiên cứu này thuộc vùng ven thành phố nên có nhiều cơ hội tiếp cận việc làm phi nông nghiệp. Điều này giải thích tại sao yếu tố Thu nhập khác lại có đóng góp quan trọng vào thu nhập chung của nông hộ. Trong thực tế sản xuất lúa, có rất nhiều thời điểm cây không cần quá nhiều đến việc chăm sóc, quản lý, do đó nếu người dân tận dụng được khoảng thời gian nhàn rỗi thì có thể tìm thêm thu nhập cho gia đình. Theo Alam và Effendy (2017), để giúp cho hoạt động sản xuất lúa có sự tăng trưởng và phát triển

bền vững về lâu dài thì việc gia tăng thu nhập cho nông hộ trồng lúa là rất quan trọng.

Việc tham gia vào các tổ chức xã hội cũng có ảnh hưởng tích cực ở mức ý nghĩa 1% vào thu nhập của nông hộ. Trong đó, thu nhập của người nông dân trồng lúa cao hơn 23% khi họ là thành viên của các tổ chức xã hội. Điều này đã phần nào khẳng định vai trò của các hoạt động tổ nhóm, đoàn thể tại địa phương. Việc chia sẻ thông tin, kinh nghiệm sản xuất cũng như khả năng hỗ trợ, giúp đỡ nhau giữa các thành viên sẽ tốt hơn khi sản xuất riêng lẻ.

IV. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

4.1. Kết luận

Kết quả khảo sát 120 hộ nông dân trồng lúa tại huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh cho thấy người dân trong vùng có khoảng thu nhập dao động rất rộng, bình quân đạt 132 triệu đồng/hộ/năm, mức cao nhất có thể lên đến 500 triệu đồng/hộ/năm. Diện tích canh tác lúa trung bình đạt 1,37 ha/hộ. Nghiên cứu đã xác định được các yếu tố chính góp phần gia tăng thu nhập của nông hộ trồng lúa tại địa bàn nghiên cứu bao gồm diện tích đất trồng lúa, thu nhập phi nông nghiệp và tham gia vào tổ chức xã hội.

Kết quả nghiên cứu của đề tài này đã một lần nữa khẳng định giả thuyết: Mỗi vùng sản xuất với các đặc trưng vùng khác nhau sẽ có nhóm yếu tố tác động lên thu nhập của người dân trồng lúa khác nhau. Ở đây, yếu tố “Thu nhập phi nông nghiệp” và “Tham gia vào tổ chức xã hội” là 2 yếu tố tác động đặc trưng cho vùng trồng lúa của huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

4.2. Đề nghị

Để nâng cao thu nhập, góp phần cải thiện đời sống cho người nông dân trồng lúa tại Trà Vinh, nghiên cứu đề xuất một số vấn đề cần được quan tâm như sau:

- Đối với chính quyền địa phương: (1) tăng cường tạo việc làm tại chỗ cho người nông dân thông qua việc khuyến khích các tập thể, cá nhân mở các cơ sở sản xuất, kinh doanh... để tận dụng lao động nông thôn giúp gia tăng thu nhập cho nông hộ; (2) tăng cường đầu tư, quan tâm đến hiệu quả hoạt động của các tổ chức xã hội nông thôn để thu hút được sự tham gia của người nông dân nhằm tăng hiệu quả đầu tư của Nhà nước đồng thời cải thiện tính cạnh tranh của nông sản.

- Đối với người nông dân trồng lúa: (1) chủ động tìm kiếm và tham gia vào lao động phi nông nghiệp

để cải thiện thu nhập nhất là những hộ có diện tích đất canh tác nhỏ; (2) việc tham gia vào các hợp tác xã, tổ hợp tác sản xuất là rất cần thiết để gia tăng kiến thức, kinh nghiệm sản xuất, thông tin thị trường, và đồng thời gia tăng sức cạnh tranh khi sản xuất hàng hóa số lượng lớn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Nguyễn Lan Duyên**, 2014. Các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ ở An Giang. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học An Giang*, 3 (2): 63-69.
- Nguyễn Tiến Dũng, Bùi Văn Trịnh và Phan Thuận**, 2014. Các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của người nông dân trồng lúa ở Cần Thơ. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 31: 117-123.
- Lê Đình Hải**, 2017. Các nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ trên địa bàn huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp*, (4): 162-171.
- Võ Thành Khởi**, 2015. Các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của hộ gia đình ở huyện chợ lách tỉnh Bến Tre. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Trà Vinh*, 8: 59-65.
- Chu Thị Kim Loan và Nguyễn Văn Hương**, 2015. Ảnh hưởng của nguồn lực đến thu nhập của nông hộ tỉnh Thanh Hóa: nghiên cứu điển hình ở huyện Thọ Xuân và Hà Trung. *Tạp chí Khoa học và Phát triển*, 13 (6): 1051-1060.
- Lê Xuân Thái**, 2014. Các yếu tố ảnh hưởng thu nhập của nông hộ trong các mô hình sản xuất trên đất lúa tại tỉnh Vĩnh Long. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 35: 79-86.
- Huỳnh Thị Đan Xuân và Mai Văn Nam**, 2011. Phân tích yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của các hộ chăn nuôi gia cầm ở đồng bằng sông Cửu Long, *Tạp chí Khoa học - Trường Đại học Cần Thơ*, 17: 87 - 96.
- Alam, M. N., and Effendy**, 2017. Identifying Factors Influencing Production and Rice Farming Income with Approach of Path Analysis. *American Journal of Agricultural and Biological Sciences*, 12 (1): 39-43. doi:10.3844/ajabssp.2017.39.43
- Karmini**, 2017. Factors affecting paddy farm income in East Kalimantan, Indonesia. *Biodiversitas*, 18: 101-108.
- Ngoc-Thuy, N. and Ha-Anh, H.**, 2015. Vulnerability of rice production in Mekong River Delta under impacts from floods, salinity and climate change. *International Journal on Advanced Science, Engineering and Information Technology*, 5 (4): 272-279.
- Tivet, F., and S. Boulakia, S.**, 2017. *Climate Smart Rice Cropping systems in Vietnam*. State of knowledge and prospects. Montpellier, France: CIRAD, 41 p.

Factors influencing rice farming households' income in Chau Thanh district, Tra Vinh province

Le Truc Linh, Phan Chi Hieu, Le Thi Nghia, Huynh Nga,
Phan Quoc Nam, Dang Hoa Thai, Luu Thi Thuy Hai

Abstract

Farmers' rice production in Tra Vinh in particular and in other provinces in general in the Mekong Delta have been facing difficulties and challenges because of reducing farmers' income. Therefore, this study was conducted to identify factors influencing the total income of rice farms in Chau Thanh district, Tra Vinh province. The research data were collected by interviewing the farmers using structured questionnaires and analyzed by applying the multivariate regression method. The results of statistical analysis showed that when increasing 1% rice cultivated area, the household income could be improved by about 0.43%. Participating in non-agricultural activities and social organizations could also help the farmers enhance their income by 49% and 23%, respectively. Hence, in order to improve the income, the rice farmers should actively participate in non-agricultural activities, and explore the positive effects of joining social organizations in their communities.

Keywords: Tra Vinh, income, non-agricultural income, rice, farmer

Ngày nhận bài: 10/3/2020

Ngày phản biện: 19/3/2020

Người phản biện: TS. Đoàn Mạnh Tường

Ngày duyệt đăng: 23/3/2020

TÁC ĐỘNG CỦA VIỆC THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2020 THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU, TỈNH QUẢNG NINH

Khuông Mạnh Hà¹, Nguyễn Hữu Hào², Nguyễn Văn Hoan²

TÓM TẮT

Kết quả nghiên cứu cho thấy, trong phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất (QHSDĐ) thị xã Đông Triều đến năm 2020 tổng diện tích đất nông nghiệp chuyển mục đích sử dụng là 2.453,79 ha, trong đó chủ yếu chuyển sang mục đích phi nông nghiệp, chuyển mục đích trong nội bộ đất nông nghiệp là 87,15 ha. Diện tích đất chưa sử dụng được đưa vào sử dụng là 435,66 ha. Việc thực hiện phương án điều chỉnh QHSDĐ đến năm 2020 đã tác động đến các mặt kinh tế, xã hội và môi trường của thị xã Đông Triều. Bên cạnh đó, phương án điều chỉnh QHSDĐ đã giúp chính quyền địa phương sử dụng hợp lý, hiệu quả các nguồn tài nguyên đất đai, tạo nguồn lực cho định hướng quy hoạch theo đúng chiến lược kinh tế xã hội của Thị xã đề ra. Từ việc đánh giá tác động của phương án điều chỉnh QHSDĐ thị xã Đông Triều đến năm 2020 nghiên cứu đã đề xuất một số nhóm giải pháp: Giải pháp về tổ chức thực hiện quy hoạch; Giải pháp về chính sách đất đai; Giải pháp về nguồn lực; Giải pháp bảo vệ môi trường phù hợp với quá trình phát triển của thị xã Đông Triều trong thời gian tới.

Từ khóa: Kinh tế - xã hội, phương án, quy hoạch sử dụng đất, thị xã Đông Triều

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Quy hoạch sử dụng đất (Land Use Planning) là một hệ thống các biện pháp kinh tế, kỹ thuật và pháp chế của Nhà nước về tổ chức sử dụng đất đai đầy đủ và hợp lý có hiệu quả cao thông qua việc phân phối và tái phân phối quỹ đất của quốc gia, tổ chức sử dụng đất như một tư liệu sản xuất cùng với các tư liệu sản xuất khác gắn liền với đất nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất xã hội, tạo điều kiện bảo vệ đất và bảo vệ môi trường (Đoàn Công Quý, 2006).

Công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là một yêu cầu đặc biệt để phân bổ quỹ đất cho các lĩnh vực và đối tượng sử dụng hợp lý, có hiệu quả phục vụ phát triển kinh tế - xã hội (KTXH), giữ vững an ninh quốc phòng, tránh được sự chống chọi, gây lãng phí trong sử dụng, hạn chế sự huỷ hoại đất đai, phá vỡ môi trường sinh thái. Vì vậy, việc đánh giá chính xác, khách quan các tác động tích cực, tiêu cực của phương án QHSDĐ đến tình hình phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường nhằm để ra các giải pháp

¹ Đại học Nông Lâm Bắc Giang; ² Đại học Hồng Đức, Thanh Hóa